

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index trải qua một phiên giằng co trong vùng 1,625–1640 điểm trước khi đóng cửa tại mức 1,631.44 điểm, gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó Hàng & Dịch vụ Công nghiệp, Hóa chất tăng mạnh nhất, theo sau là Dầu khí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCoM. Nhịp hồi phục từ đáy ngắn hạn 1,578 đã chứng lại chỉ sau một phiên. Nhà đầu tư nên thận trọng trong giai đoạn tâm lý thị trường khó đoán định này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G6000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 13/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.42** điểm, đóng cửa tại **1631.44** điểm. HNX-Index **+1.50** điểm, đóng cửa tại **266.29** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GEE (+1.00)**, **VNM (+0.97)**, **DGC (+0.60)**, **VCB (+0.56)**, **GAS (+0.56)**.
- Kéo chỉ số giảm: **STB (-0.78)**, **HPG (-0.77)**, **FPT (-0.64)**, **VHM (-0.64)**, **VPB (-0.44)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,558** tỷ đồng, tăng **0.64%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,771 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.84 điểm. Thị trường có **163** mã tăng, 63 mã tham chiếu, **138** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-969.84** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-408.37 tỷ)**, **VCI (-223.91 tỷ)**, **VIX (-129.70 tỷ)**, **HDB (-128.22 tỷ)**, **HPG (-88.32 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-34.61** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.11%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGC (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+3.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
VNM (+3.34%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.81%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVD (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
IDC (+6.11%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVT (+5.11%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.11%	0.81%	-0.03%	-0.43%
1 tuần	-0.41%	-0.70%	-0.68%	-0.29%
1 tháng	-2.95%	-4.95%	-7.36%	-7.42%
3 tháng	-3.52%	-6.77%	0.09%	4.54%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,631.44	266.29	120.04
% 1D	-0.03%	0.57%	0.85%
GTKL (tỷ VND)	19,558	1,794	761
%1D	0.64%	24.89%	19.70%
GDNN (tỷ VND)	-969.84	-34.61	-214.30

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	310.94	STB	-408.37
VNM	276.02	VCI	-223.91
TCB	143.94	VIX	-129.70
PVD	119.49	HDB	-128.22
KDH	90.95	HPG	-88.32

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

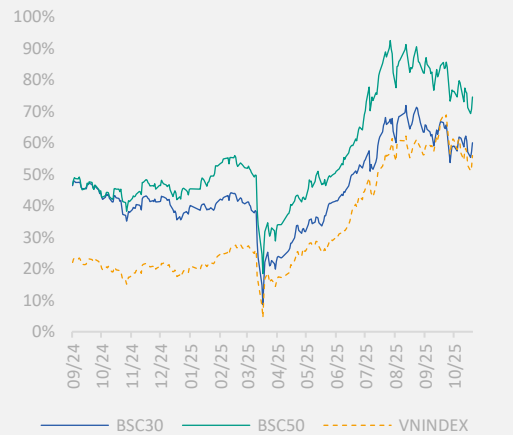
		%D	%W
SPX	6,851	0.06%	0.80%
FTSE100	9,894	-0.18%	1.62%
Eurostoxx	5,815	0.38%	3.35%
Shanghai	4,030	0.73%	0.54%
Nikkei	51,288	0.44%	0.79%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.54	-0.28%
Giá vàng	4,235	1.05%
Tỷ giá		
USD/VND	26,381	-0.02%
EUR/VND	31,305	0.09%
JPY/VND	174	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.00%
LS LNH 1M	6.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

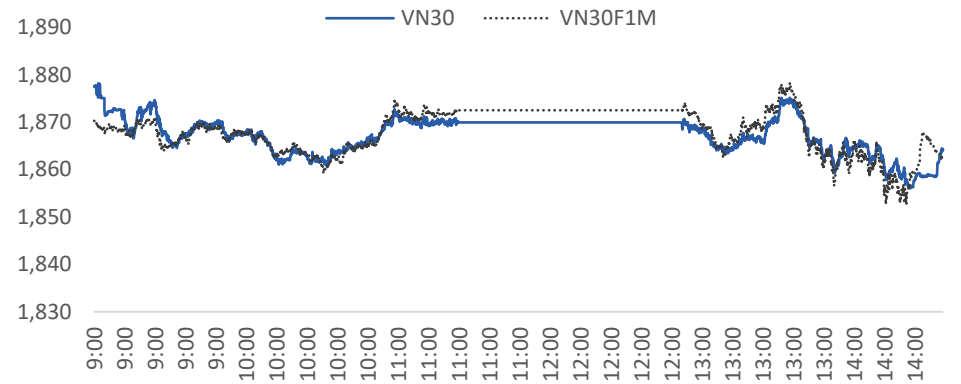
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Trang | 1

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1863.00	-0.41%	294,937	0.2%	20/11/2025	7
41I1G6000	1857.30	0.08%	43	-10.4%	18/06/2026	217
VN30F2512	1854.90	-0.81%	1,186	-19.3%	18/12/2025	35
41I1G3000	1845.50	-1.18%	64	8.47%	19/03/2026	126

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -8.04 điểm, đóng cửa tại 1864.23 điểm. Biên độ dao động 17.40 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, STB, VRE, VPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Đà hồi phục của VN30 chứng lại trong ngày hôm nay; thanh khoản vẫn ở mức thấp trong bối cảnh thị trường khó đoán định. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G6000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000, VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIB2509	3/12/2025	20	100	10.49%	18.39	600	57.9%	0.19	20.50	18.55	18.55
CVNM2503	26/03/2026	133	570,000	10.22%	63.21	1,070	20.2%	0.70	68.11	61.80	61.80
CVNM2513	15/12/2025	32	2,452,500	0.92%	58.17	910	19.7%	0.92	62.37	61.80	61.80
CTCB2510	23/12/2025	40	3,700	3.53%	30.20	2,100	19.3%	1.77	36.34	35.10	35.10
CVNM2510	12/01/2026	60	195,600	2.97%	56.32	990	17.9%	0.85	63.63	61.80	61.80
CVNM2518	3/04/2026	141	83,500	15.88%	65.11	680	17.2%	0.27	71.61	61.80	61.80
CVRE2517	3/12/2025	20	2,000	4.28%	28.00	2,660	16.2%	2.04	33.32	31.95	31.95
CVNM2519	4/05/2026	172	492,200	17.87%	65.96	720	16.1%	0.28	72.84	61.80	61.80
CVNM2515	23/06/2026	222	1,164,100	8.47%	57.36	2,530	16.1%	2.05	67.03	61.80	61.80
CVPB2525	25/03/2026	132	409,900	22.09%	31.70	1,090	14.7%	0.52	33.88	27.75	27.75
CVIB2511	24/02/2026	103	5,100	21.83%	21.00	800	14.3%	0.27	22.60	18.55	18.55
CVNM2514	23/01/2026	71	352,300	2.59%	53.54	1,290	14.2%	1.16	63.40	61.80	61.80
CSHB2506	11/12/2025	28	6,000	3.69%	12.57	2,480	12.7%	2.17	16.95	16.35	16.35
CVPB2510	23/02/2026	102	7,400	17.97%	23.04	4,980	12.7%	2.73	32.74	27.75	27.75
CVNM2520	23/07/2026	252	6,700	17.84%	63.19	1,440	12.5%	0.73	72.83	61.80	61.80
CSSB2508	4/05/2026	172	1,800	41.49%	21.67	650	12.1%	0.06	24.27	17.15	17.15
CTCB2523	18/01/2027	431	200	49.57%	45.50	1,750	10.8%	0.62	52.50	35.10	35.10
CVNM2522	8/06/2026	207	125,400	13.70%	57.84	1,300	10.2%	0.77	70.26	61.80	61.80
CVNM2521	25/06/2026	224	9,300	25.92%	67.30	1,100	10.0%	0.30	77.82	61.80	61.80
CTCB2509	15/12/2025	32	1,113,700	1.81%	33.12	1,340	9.8%	1.36	35.73	35.10	35.10

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 13/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVIB2509 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 57.89%. CMBB2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.60%.
 - CVHM2521, CVHM2524, CVRE2526, CVHM2523, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEE	173.10	6.98%	1.00	0.37
VNM	61.80	3.34%	0.97	2.09
DGC	100.00	6.95%	0.60	0.38
VCB	59.80	0.50%	0.56	8.36
GAS	62.90	1.62%	0.56	2.41

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	83.00	2.98%	1.31	0.90
IDC	41.70	6.11%	0.57	0.38
HUT	17.90	3.47%	0.39	1.07
PVS	34.60	3.90%	0.38	0.48
VIF	16.10	4.55%	0.15	0.35

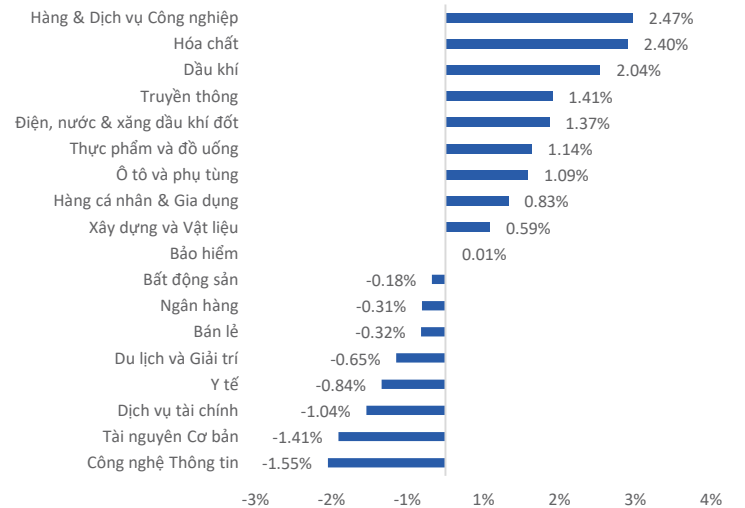
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEE	173.10	6.98%	0.99	1.04
PVD	26.15	6.95%	0.23	31.15
DGC	100.00	6.95%	0.59	8.79
HID	5.00	6.84%	0.01	1.27
TDP	30.70	5.50%	0.03	0.07

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	29.30	8.92%	0.03	0.00
SDG	12.60	8.62%	0.04	0.00
NBW	34.50	7.81%	0.10	0.00
ALT	13.10	7.38%	0.02	0.00
IDC	41.70	6.11%	3.38	6.75

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STB	48.70	-3.75%	-0.78	1.89
HPG	26.55	-1.67%	-0.77	7.68
FPT	98.90	-1.69%	-0.64	1.70
VHM	93.30	-0.74%	-0.64	4.11
VPB	27.75	-0.89%	-0.44	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	29.60	-1.66%	-0.17	0.59
SHS	22.40	-1.32%	-0.16	0.90
CEO	25.40	-1.55%	-0.13	0.57
DHT	75.00	-3.10%	-0.11	0.08
BAB	12.60	-0.79%	-0.06	0.96

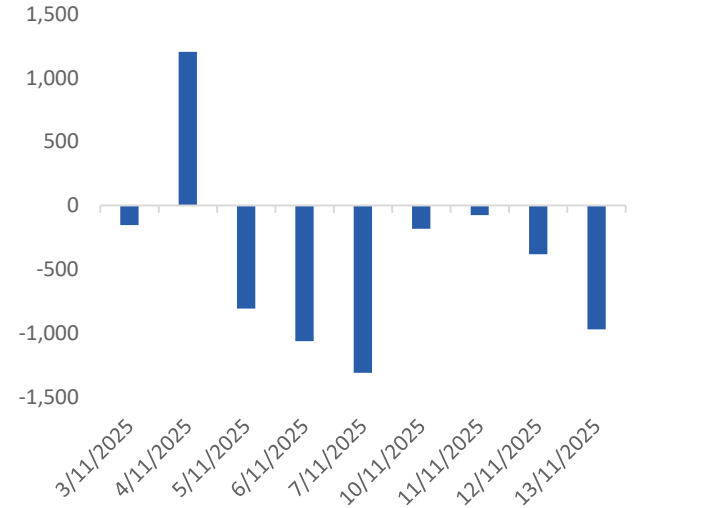
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ICT	21.30	-6.99%	-0.01	0.27
PJT	8.80	-6.38%	0.00	0.00
VDP	45.70	-6.35%	-0.01	0.00
HHP	12.20	-4.69%	-0.01	1.24
SVI	45.05	-4.56%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
AMC	19.40	-9.35%	-0.02	0.00
NAP	10.90	-9.17%	-0.08	0.00
MAC	17.10	-6.56%	-0.09	0.01
CAG	6.60	-5.71%	-0.02	0.00
TV4	15.50	-4.32%	-0.05	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.1	-0.5%	1.2	119,016	343.5	3,955	20.4	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	33.6	1.4%	1.5	31,172	149.0	1,872	17.7	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.5	1.0%	1.4	38,268	242.1	857	39.8	39,900	27.1%	Link
PDR	Bất động sản	22.0	-0.9%	1.9	21,752	125.8	211	105.2	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	93.3	-0.7%	0.9	386,097	399.3	6,133	15.3	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	98.9	-1.7%	0.7	171,373	1052.8	5,280	19.1	118,700	38.0%	Link
BSR	Dầu khí	16.1	1.6%	0.0	79,115	92.1	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.6	3.9%	1.5	15,916	484.1	3,040	11.0	42,800	11.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	-0.4%	1.4	24,623	184.2	1,426	16.0		35.2%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.0	-1.6%	1.5	73,695	747.3	1,882	18.9		32.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.2	-1.2%	1.3	26,447	496.0	1,589	23.0		20.2%	
DCM	Hóa chất	34.7	1.2%	1.3	18,158	110.3	3,578	9.6	47,300	4.5%	Link
DGC	Hóa chất	100.0	7.0%	1.2	35,509	867.7	8,296	11.3	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	-0.4%	0.9	129,444	148.3	3,385	7.5	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	38.3	0.1%	0.9	268,567	74.4	3,781	10.1	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.9	-0.7%	1.2	264,204	276.4	6,208	7.9	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	30.0	-0.2%	1.2	115,782	361.3	3,673	8.2	30,800	23.9%	Link
MBB	Ngân hàng	23.5	-0.8%	1.2	190,903	464.3	3,017	7.9	29,300	20.6%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-0.8%	1.1	38,064	54.9	1,729	7.1	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.7	-3.8%	1.0	95,392	836.3	6,519	7.8		16.2%	
TCB	Ngân hàng	35.1	0.3%	1.2	248,018	448.0	3,112	11.3	43,500	22.4%	Link
TPB	Ngân hàng	17.0	-2.0%	1.3	47,991	83.7	2,358	7.3	-	24.2%	Link
VCB	Ngân hàng	59.8	0.5%	0.9	497,163	159.6	4,202	14.2	75,700	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.6	-0.5%	0.9	63,485	57.0	2,225	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.8	-0.9%	1.3	222,150	406.3	2,603	10.8	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.6	-1.7%	1.3	207,238	540.4	1,876	14.4	33,170	18.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	-0.3%	1.5	10,619	41.5	1,178	14.5	19,800	5.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.1	2.6%	1.2	9,776	105.8	4,150	6.1	31,700	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.0	-0.3%	1.3	114,517	365.8	2,196	36.1	92,700	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.8	3.3%	0.6	124,979	596.9	4,160	14.4	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.4	-2.23%	1.4	8,913	79.5	2,413	16.7	20.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	145.1	0.76%	0.6	24,523	84.4	3,620	39.8	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.0	0.00%	1.1	41,570	25.2	3,594	15.6	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.0	-2.91%	1.6	16,406	181.2	516	39.9	4.5%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.0	-0.78%	1.6	19,512	199.9	401	47.8	21.5%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.5	-0.90%	1.7	5,543	63.2	3,057	9.1	4.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.3	-0.95%	1.6	11,672	64.2	938	33.6	20.5%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	41.7	6.11%	1.5	14,914	281.5	4,849	8.1	10.9%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.5	-0.82%	1.5	17,855	52.5	2,182	16.9	45.8%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	58.0	4.69%	1.1	13,413	59.6	5,474	10.1	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	32.0	4.58%	1.2	5,508	59.8	1,763	17.4	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.1	-1.64%	1.7	18,590	77.5	852	25.1	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	211.2	0.00%	0.9	813,757	651.9	2,287	92.4	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	32.0	-2.59%	1.1	74,532	190.1	2,144	15.3	14.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.6	0.13%	1.2	8,152	16.8	1,833	21.0	38.5%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.5	1.32%	0.9	43,264	89.9	2,090	16.3	15.1%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.2	6.95%	1.1	13,591	804.8	1,602	15.3	5.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.6	-0.74%	1.3	11,729	30.8	1,262	26.8	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.6	-1.66%	1.7	19,827	63.4	1,663	18.1	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.9	1.62%	0.9	149,362	73.1	5,014	12.4	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.7	3.16%	1.2	33,372	462.3	812	17.5	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.8	2.02%	0.7	34,937	30.3	4,776	13.5	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	176.3	0.11%	0.7	104,183	517.9	2,897	60.8	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.3	-1.88%	1.8	40,698	415.1	2,313	19.5	8.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.0	1.61%	1.2	26,443	124.9	3,504	17.7	43.1%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.0	5.10%	1.0	10,604	498.8	6,185	10.2	7.9%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	5.11%	1.0	8,271	152.9	2,090	8.4	8.8%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	106.3	0.76%	0.0	12,848	52.6	3,139	33.6	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	90.3	1.01%	1.1	30,499	47.7	6,921	12.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.3	2.36%	1.0	3,092	60.2	2,535	10.9	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.3	3.21%	1.5	2,407	27.3	2,878	6.5	16.8%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.0	1.48%	1.2	16,046	144.8	1,212	19.5	4.5%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.5	1.61%	1.4	113,800	112.0	1,569	18.1	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.4	-1.16%	1.2	40,235	186.4	1,635	13.2	3.8%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	48.9	0.51%	0.4	145,331	68.4	3,469	14.0	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	-1.03%	0.0	24,877	17.4	2,337	6.2	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	-0.81%	0.9	33,022	25.9	1,460	8.5	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	-0.88%	1.4	7,653	103.8	571	30.0	5.2%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.8	1.41%	1.3	7,548	71.9	2,829	10.0	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.4	-0.31%	0.5	9,881	46.5	1,715	19.0	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.4	0.96%	0.5	60,216	55.2	3,373	13.9	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.8	2.80%	1.0	12,839	119.7	6,944	8.2	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	172.8	-0.29%	0.4	14,187	15.8	14,639	11.8	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	88.4	-0.67%	1.3	9,027	66.5	6,560	13.6	48.9%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.9	1.64%	1.2	10,455	79.1	5,128	17.8	5.2%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.6	-0.91%	1.5	4,430	15.2	3,037	14.5	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.6	-0.73%	1.4	6,790	50.5	1,106	12.3	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	0.00%	1.0	9,007	34.0	1,377	15.9	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.9	-1.04%	1.1	15,612	91.7	6,148	3.9	4.9%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.6	4.25%	1.5	20,041	117.2	3,090	14.5	3.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>